TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 260/2025/DS-PT Ngày: 17-4-2025 V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Triều

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Diệp Thuý

Bà Nguyễn Thanh Nhàn

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Phúc Thẩm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 524/2024/DS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 803/2025/QĐPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo uỷ quyền: Chị Trần Thị Kim P, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Khu Phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 04/4/2025)

- *Bị đơn:*

1. Chị Phạm Thị Bạch T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

2. Anh Lưu Văn D, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Đại diện uỷ quyền của anh D: Bà Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ B Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 24/3/2025)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Lưu Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Chị và vợ chồng anh Lưu Văn D và chị Phạm Thị Bạch T có mối quan hệ bà con. Vợ chồng bà T có mượn tiền của chị, cụ thể số tiền như sau:

- Ngày 26/12/2023, chị A cho mượn số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), thỏa thuận thời gian trả là trong năm 2024.

- Ngày 03/02/2024, chị A cho mượn số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), thỏa thuận thời gian trả là ngày 03/8/2024.

Tổng số tiền cho mượn là 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng), không lãi suất.

Có lập biên nhận do chị T viết ký tên có ghi nội dung để trang trải gia đình. Quá trình thực hiện hợp đồng thì vợ chồng chị T chỉ trả cho chị A được số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Hiện còn nợ lại chị A số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Nay chị A cần tiền yêu cầu trả tiền thì vợ chồng bà T cố tình lảng tránh.

Nay chị A yêu cầu giải quyết: Buộc chị Phạm Thị Bạch T và anh Lưu Văn D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc A số tiền nợ là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất. Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Lưu Văn D trình bày:

Về việc vay nợ của vợ anh: Vợ anh, chị Phạm Thị Bạch T đã tự ý thực hiện giao dịch vay tiền với chị Nguyễn Thị Ngọc A mà anh hoàn toàn không hay biết. Việc vay mượn này không có sự tham gia, đồng ý hay ủy quyền của anh. Anh không ký kết bất kỳ hợp đồng hay giấy tờ nào liên quan đến khoản vay này. Theo Điều 27 Bộ luật Dân sự năm 2015, anh không có nghĩa vụ liên đới đối với các khoản nợ riêng do vợ anh ký xác lập mà không có sự đồng ý của anh.

Về trách nhiệm pháp lý: Anh không nhận được bất kỳ lợi ích nào từ khoản vay này và không sử dụng số tiền vay. Việc chị Nguyễn Thị Ngọc A yêu cầu anh chịu trách nhiệm trả nợ là không có căn cứ pháp lý.

Theo Điều 37 luật Hôn nhân và gia đình 2014, trách nhiệm liên đới của vợ chồng chỉ phát sinh khi giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yêu của gia đình, trong trường hợp này khoản vay không phục vụ cho gia đình và anh không được biết. Về việc bà Nguyễn Thị Ngọc A đề nghị anh ký tên sau khi vợ anh rời khỏi nơi cư trú. Sau khi vợ anh rời khỏi nhà, chị Ngọc A đến và yêu cầu anh ký tên văn bản thỏa thuận nợ vay. Anh đã từ chối vì không liên quan và không biết gì về khoản vay này. Việc này cho thấy chị Ngọc A cũng nhận thức rõ rằng anh không tham gia vào giao dịch vay nợ ban đầu.

Yêu cầu đối với tòa án: Căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành, đề nghị xem xét và rút tên anh ra khỏi danh sách bị đơn trong vụ kiện này.

Đề nghị tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh, tránh gây ảnh hưởng đến đời sống danh dự của anh, mong muốn tòa án giải quyết vụ việc một cách công bằng, đúng pháp luật, đảm bảo minh bạch và khách quan.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 524/2024/DS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc A. Buộc chị Phạm Thị Bạch T và anh Lưu Văn D cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc A số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 16/01/2025 bị đơn anh Lưu Văn D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý cùng bà T liên đới trả cho bà A số tiền 200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Lưu Văn D có đại diện uỷ quyền bà Đỗ Thị Thu N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý liên đới cùng chị T trả số nợ trên. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A có đại diện uỷ quyền chị Trần Thị Kim P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án: Tại phiên toà ông D không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Lưu Văn D kháng cáo còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Hợp đồng vay tài sản" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A có đại diện uỷ quyền chị Trần Thị Kim P, bị đơn anh Lưu Văn D có đại diện theo uỷ quyền Đỗ Thị Thu N có mặt, bị đơn chị Phạm Thị Bạch T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về nội dung kháng cáo anh Lưu Văn D yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của anh, anh không đồng ý liên đới cùng chị T trả số tiền 200.000.000đồng cho chị Nguyễn Thị Ngọc A.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án cho thấy biên nhận do chị T viết ký tên có ghi nội dung ghi "***để trang trải gia đình***" có chữ viết và chữ ký chị T. Quá trình thực hiện hợp đồng thì vợ chồng chị T chỉ trả cho chị A được số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Hiện còn nợ lại chị A số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Tại các biên bản xác minh ngày 20/10/2024 (Bút lục 26) có nội dung: "Chị Phạm Thị Bạch T, sinh năm 1982 và anh Lưu Văn D, sinh năm 1980 có địa chỉ ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 102/2024 ngày 20/7/2004 tại UBND xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang". Tại Biên bản xác minh ngày 20/10/2024 (Bút lục số 27) có nội dung: "Chị Phạm Thị Bạch T, sinh năm 1982 và anh Lưu Văn D, sinh năm 1980 là vợ chồng có đăng ký hộ khẩu thường trú và sống chung nhà tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Hiện nay anh D có mặt tại địa phương, còn chị T

thì vắng nhà, không rõ đi đâu". Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Chị T và anh D là vợ chồng sống chung nhà có đăng ký kết hôn, tại các giấy cam kết do chị Nguyễn Thị Ngọc A nộp có chữ ký tên, ghi họ tên của chị Phạm Thị Bạch T, nội dung giấy cam kết có ghi nội dung mượn tiền là để trang trải trong nhà. Do đó, Hội đồng xét xử xác định số tiền chị Phạm Thị Bạch T đã mượn của chị Nguyễn Thị Ngọc A là số nợ chung của chị T và anh D, do đó cần buộc chị Phạm Thị Bạch T và anh Lưu Văn D cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc A số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật. Từ các cơ sở trên việc anh Lưu Văn D kháng cáo là không có cơ sở do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên anh D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lưu Văn D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 524/2024/DS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc A.

Buộc chị Phạm Thị Bạch T và anh Lưu Văn D cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc A số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Ngọc A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Phạm Thị Bạch T và anh Lưu Văn D chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

+ Chị Phạm Thị Bạch T, anh Lưu Văn D phải chịu số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Lưu Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, anh D đã đóng số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010044 ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, xem như anh D đã nộp xong án phí phúc thẩm.

+ H lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc A số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị Ngọc A đã nộp theo biên lai thu số 0009781 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

3. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Triều